

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

DANH SÁCH

Kết quả phúc khảo môn chuyên ngành nghiệp vụ kiểm sát vòng 2 kỳ thi tuyển
công chức nghiệp vụ kiểm sát ngành Kiểm sát nhân dân đợt 2 năm 2025
(Kèm theo Thông báo số: 38/TB-HDTYCC ngày 10/4/2026 của Hội đồng thi tuyển công chức)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm lần đầu (vòng 2)	Điểm phúc khảo
			Nam	Nữ					
1	015	Lê Duy Anh	16/12/2002		Kinh	Cà Mau	phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau	56	56
2	034	Đậu Quỳnh Anh		13/3/2003	Kinh	Hà Tĩnh	số 2/8 Nguyễn Văn Công, phường Hạnh Thông, TPHCM	47	47
3	042	Lê Nguyễn Văn Anh		15/7/2001	Kinh	Ninh Bình	A75/6G Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, TPHCM	58	58
4	059	Bùi Nguyễn Hoàng Ân		19/3/2001	Kinh	Vĩnh Long	100 ấp Hưng Bình A, xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long	55.5	55.5
5	063	Phạm Vũ Bảo	28/02/2003		Kinh	Gia Lai	tổ dân phố Tân Thạnh 1, phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	48.25	48.5
6	065	Trần Khánh Bằng	03/6/2003		Hoa	Cà Mau	số 97 Hoàng Văn Thụ, khóm 10, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	56.75	56.75
7	083	Lê Đoàn Khánh Chi		22/10/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Phường Nhiều Lộc, TPHCM	59	59
8	107	Nguyễn Thùy Dung		21/9/2003	Kinh	Hà Nội	Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	50	50
9	109	Phạm Tiến Dũng	21/8/2002		Kinh	Ninh Bình	Bắc Mực, Hàm Yên, Tuyên Quang	15	15
10	118	Vũ Hoàng Khánh Duy	26/8/2001		Kinh	Hải Phòng	171/36A Tôn Đản, phường Khánh Hội, TPHCM	47	47
11	147	ALăng Thị Lệ Đào		24/5/2003	Cotu	Đà Nẵng	Thôn Ra Nuối, xã Sông Kôn, thành phố Đà Nẵng	38	38
12	158	Nguyễn Doãn Thành Đạt	1/11/2000		Kinh	Hà Nội	thôn Thượng, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	51	54.5
13	175	Lê Thành Đức	28/8/2003		Kinh	TP Hồ Chí Minh	tổ 3 khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, TPHCM	30	30
14	177	Nguyễn Văn Đức	12/8/1999		Kinh	Ninh Bình	thôn Hạ, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội	27	30

eb

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm lần đầu (vòng 2)	Điểm phúc khảo
			Nam	Nữ					
15	180	Phùng Thủy Châu Giang		18/02/1998	Kinh	Quảng Trị	Thôn Cam Phú 3, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	50	50
16	181	Phạm Thị Hoàng Giang		26/6/2001	Kinh	Nghệ An	Tổ 15, KP 11, Tam Hiệp, Đồng Nai	45	45
17	206	Nguyễn Minh Hạnh		16/01/2000	Kinh	Đồng Tháp	54/4 đường Ấp Bắc, tổ 3A, KP 19, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	45	44
18	213	Phùng Thị Thanh Hằng		23/8/2002	Kinh	Đồng Nai	tổ 60, ấp 5, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai	50	50
19	215	Hoàng Thị Kim Hằng		17/7/2003	Kinh	Hà Tĩnh	37/18 đường số 44, phường An Hội Tây, TPHCM	60	56.5
20	220	Lê Thị Ngọc Hân		01/10/2002	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 11, ấp Hòa Hào, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	50	49.5
21	233	Phan Võ Thu Hiền		4/6/2002	Kinh	Tây Ninh	250/1 ấp 1, xã Vĩnh Công, tỉnh Tây Ninh	33	33
22	254	Đoàn Trọng Hòa	08/01/1997		Kinh	Huế	Thôn Bình Dương, xã Bình Điền, thành phố Huế	34	34
23	265	Quảng Văn Hoàng	24/7/2001		Thái	Điện Biên	bản Nà Lốm, xã Thanh Nua, tỉnh Điện Biên	43.5	43.5
24	294	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		25/5/2003	Kinh	Ninh Bình	1001 Trần Hưng Đạo, phố 12 Vân Giang, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	57.5	57.5
25	323	Lê Hoàng Khang	21/1/2003		Kinh	An Giang	Lô 6, Căn 8 đường Trần Quang Khải, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	22	22
26	341	Nguyễn Minh Khôi	27/8/1993		Kinh	Hà Nội	thôn Phúc Thọ 1, xã Tân Hà Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	57.5	57.5
27	347	Trần Thụy Hồng Lam		25/12/2000	Kinh	Khánh Hòa	129 Chính Hữu, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	62.5	62.5
28	349	Nguyễn Thị Ngọc Lan		06/8/2001	Kinh	Quảng Trị	Thôn Ngô Bắc, xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị	50	50
29	351	Nguyễn Thị Ngọc Lan		21/02/1998	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Tây, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	47.5	47.5
30	383	Nguyễn Thanh Long	25/5/1999		Mường	Phú Thọ	Tổ 4, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	40	40

Ch

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm lần đầu (vòng 2)	Điểm phúc khảo
			Nam	Nữ					
31	384	Huỳnh Thiên Long	14/5/2003		Kinh	Huế	06 Hồ Xuân Hương, Nha Trang, Khánh Hòa	52	52
32	386	Nguyễn Phi Long	31/3/2001		Kinh	Đồng Nai	Tổ 10 khu C ấp Phước Cường, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	35	35
33	391	Nguyễn Võ Lực	5/4/2001		Kinh	Đắk Lắk	thôn Phong Phú, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk	51	51
34	395	Nguyễn Dương Phương Mai		19/7/2003	Kinh	Đồng Tháp	Số 362, tổ 16, ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp	39	39
35	399	Trần Thị Thanh Mai		06/6/1997	Kinh	Ninh Bình	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	51	51
36	402	Phạm Minh Mẫn	9/12/2000		Kinh	TP Hồ Chí Minh	Ấp Chót Đồng, xã Thanh An, TPHCM	43	43
37	405	Hoàng Lê Minh	15/12/2001		Kinh	Hải Phòng	31 Trần Thánh Tông, phường Tân Sơn, TPHCM	50	50
38	411	Nguyễn Thị Trà My		27/6/2002	Kinh	Thanh Hóa	Tổ 13, Phường Vỹ, Xuân Thành, Đồng Nai	56.5	56.5
39	420	Tăng Huỳnh Phương Nam	6/7/1998		Khmer	Cần Thơ	ấp Tân Nam, Phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	42	42
40	427	Nguyễn Phạm Phương Ny		27/10/2000	Kinh	Cần Thơ	Khu vực 1, Phường Vị Thanh, TP Cần Thơ	59	59
41	445	Lý Mộng Thùy Ngân		4/3/2003	Kinh	Cần Thơ	phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ	36	36
42	458	Lâm Thị Hải Nghi		22/9/2003	Khmer	An Giang	Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang	49.25	49.25
43	479	Trần Bảo Ngọc		8/4/2002	Kinh	Đà Nẵng	Số 16 hẻm 64 Nguyễn Văn Linh, khu phố Trường Thiện, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh	40	40
44	507	Võ Thị Thanh Nhi		24/10/02	Kinh	TP Hồ Chí Minh	D11/14 ấp 39, xã Vĩnh Lộc, TPHCM	33.5	33
45	518	Vũ Phong Nhiệm	4/8/2001		Kinh	Bắc Ninh	Số 19 Ngõ 93 phố Nghĩa Dũng, Phường Hồng Hà, Hà Nội	20	20

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm lần đầu (vòng 2)	Điểm phúc khảo
			Nam	Nữ					
46	546	Nguyễn Lê Ngọc Phụng		23/12/2003	Kinh	Đắk Lắk	Khu phố 1, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	60	60
47	549	Dương Văn Phương	29/8/1996		Mông	Cao Bằng	Buôn Ea Púk, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	53	53
48	553	Nguyễn Ngọc Mai Phương		29/9/2002	Kinh	Gia Lai	80/8/4 Đồng Nai, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	42	42
49	556	Nguyễn Ngọc Thanh Phương		30/8/2000	Kinh	Tây Ninh	xã An Tịnh, tỉnh Tây Ninh	43	43
50	575	Trần Thị Mai Đình Quý		27/11/2003	Kinh	Hải Phòng	số 254, ấp 4, xã Nhuận Đức, TP HCM	19	19
51	598	Lê Đức Sang	29/1/2001		Kinh	Quảng Trị	191/1 khu vực Yên Thượng phường Cái Răng, TP Cần Thơ	8	10
52	602	Khương Văn Tài	28/10/2002		Kinh	Thanh Hóa	tổ 1A, KP Miếu, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai	60	60
53	609	Châu Giang Tân	2/8/2003		Kinh	An Giang	Áp Thị 1, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang	52.25	52.25
54	615	Nguyễn Thị Thanh Tiên		27/5/2003	Kinh	Quảng Ngãi	TDP4, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	53	53
55	618	Lê Vũ Tiến	18/07/1999		Kinh	Đồng Tháp	ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp	55	55
56	626	Thạch Thanh Toàn	23/9/2003		Khmer	Cần Thơ	ấp Thạch Đông, xã Hòa Lựu thành phố Cần Thơ	14	14
57	648	Đình Thị Tuyến		27/7/2001	Ba Na	Gia Lai	Thôn K2, xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai	54	53
58	653	Nguyễn An Tường		20/9/2003	Kinh	Lâm Đồng	Tổ 7, thôn Lâm Giáo, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng	59	59
59	662	Trần Tuấn Thành	7/12/2003		Kinh	Hải Phòng	số 18/320 Lê Lai, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	52	52
60	672	Trần Thị Thu Thảo		06/09/2003	Kinh	Quảng Trị	Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	28	28

ch

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm lần đầu (vòng 2)	Điểm phúc khảo
			Nam	Nữ					
61	702	Nguyễn Mậu Diệp Thụy		22/3/1995	Kinh	TP Hồ Chí Minh	số 5/94 đường Nơ Trang Long, phường Gia Định, TP HCM	20	20
62	734	Phạm Nhật Thy		04/02/2003	Kinh	Quảng Ngãi	51A Hai Bà Trưng, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	40	40
63	799	Nguyễn Bảo Trung	04/11/2003		Kinh	Đồng Tháp	557, KP2, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	23.5	23.5
64	811	Đặng Châu Uyên		20/2/2002	Kinh	Hà Tĩnh	18/285, Lê Quý Đôn, Tân Xuân, Bình Phước, Đồng Nai	51	51.5
65	813	Trần Nguyễn Tú Uyên		24/4/2001	Kinh	Hưng Yên	1902/21 đường Đỗ Mười, KP 6, phường Tân Thới Hiệp, TP HCM	57.5	58
66	843	Lê Thị Tường Vy		04/3/2002	Kinh	Đà Nẵng	Xuân Tây, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng	26	25